|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH  **TRƯỜNG TH, THCS&THPT VĂN LANG**  Số: 39c/KHCM/VL-2021 | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hạ Long, ngày 14 tháng 04 năm 2021* |

**KẾ HOẠCH**

**Chuẩn bị các điều kiện dạy và học theo chương trình GDPT 2018 đối với lớp 1,2**

**Năm học 2021 – 2022**

Căn cứ Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ tình hình về biên chế CBQL, giáo viên và số lớp học khối 1,2 trường TH, THCS &THPT Văn Lang năm học 2020 - 2021;

Trường TH, THCS &THPT Văn Lang xây dựng kế hoạch Thực hiện chương trình GDPT 2018 đối với lớp 1,2 năm học 2021 – 2022. Cụ thể như sau:

# I. Mục đích, yêu cầu

**1. Mục đích**

# - Chủ động tổ chức thực hiện chương trình GDPT 2018 đối với lớp 1,2 vào năm học 2021-2022.

# - Có kế hoạch để giáo viên có lộ trình tự học, tự bồi dưỡng chuyên m ôn, nghiệp vụ đảm bảo thực hiện có hiệu quả các hoạt động dạy học và giáo dục của chương trình GDPT 2018.

# 2. Yêu cầu

# - Đảm bảo đồng đều định mức lao động khi đồng thời thực hiện dạy học chương trình GDPT hiện hành và chương trình GDPT 2018.

# - Ưu tiên đội ngũ giáo viên có chuyên môn, nghiệp vụ tốt nhất, đồng thời là những giáo viên đang dạy lớp 1 chương trình GDPT 2018 năm học 2020 - 2021.

# II. Nội dung

# 1. Cơ sở vật chất

# - Đảm bảo đủ điều kiện cơ sở vật chất, đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông 2018.

# - Số phòng học toàn trường: 53 (đủ bàn ghế, 01 ti vi/phòng, điều hòa, quạt, điện, điện chiếu sáng, rèm, tủ gỗ); đảm bảo 01 phòng/lớp học.

# - Phòng chức năng: 01 Âm nhạc, 01 Mĩ thuật, 01 Múa, 03 phòng máy tính; 03 phòng Tin học. Các phòng học bộ môn đều được trang bị đầy đủ danh mục trang thiết bị theo quy định.

# - Phòng bán trú cấp TH: 20 (giường tầng, chăn ga gối, điều hòa, quạt,..)

**2. Xác định biên chế lớp học cấp TH năm 2021 – 2022**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** |
| **Số lớp** | 5 | 4 | 4 | 5 | 4 |
| **Số HS** | 172 | 140 | 140 | 178 | 143 |

# 3. Đội ngũ giáo viên

# 3.1. Xác định số biên chế giáo viên dạy cấp TH năm học 2021 – 2022

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Bộ môn | Tiểu học | Tiếng Anh | Âm nhạc | Mĩ thuật | Thể dục | Tin học |
| Số lượng | 24 | 5 | 2 | 2 | 2 | 1 |

* Trung bình: 1,63 GV/lớp

**3.2. Danh sách dự kiến GV dạy lớp 1, 2 năm học 2021 - 2022**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Môn/HĐGD** | **TT** | **Họ và tên** | **Môn/HĐGD** |
| 1 | Nguyễn Thị Hồng | TH1 | 10 | Nguyễn Trang Thanh | Tiếng Anh |
| 2 | Trịnh Kim Nguyệt | TH1 | 11 | Hoàng Thi Huyền Trang | Tiếng Anh |
| 3 | Nguyễn Thị Diệu Linh | TH1 | 12 | Khổng Thi Thủy | Tiếng Anh |
| 4 | Dương Thi Sương Mai | TH1 | 13 | Vương Quốc Toản | Tin học |
| 5 | Bùi Thị Thủy | TH1 | 14 | Trương Thị Thanh Hà | GDTC |
| 6 | Trần Lê Hoa | TH2 | 15 | Mai Đức Phú | GDTC |
| 7 | Hoàng Thị Thúy | TH2 | 16 | Bùi Phương Thanh | MT |
| 8 | Đào Thị Thu Hoài | TH2 | 17 | Nguyễn Trung Hiếu | ÂN |
| 9 | Nguyễn Thị Hồng Gấm | TH2 | 18 | Nguyễn Thi Hương Thu | ÂN |

(Các GV được phân công giảng dạy đúng với chuyên ngành đào tạo và đạt chuẩn trở lên).

**4. Nội dung chương trình và kế hoạch giáo dục lớp 1, 2 năm 2018**

**4.1. Nội dung giáo dục**

a) Các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc:

- Tiếng Việt; Toán; Đạo đức; Tự nhiên và Xã hội; Tin học và Công nghệ; Giáo dục thể chất; Nghệ thuật (Mĩ thuật, Âm nhạc); Hoạt động trải nghiệm.

b) Các môn học tự chọn: Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh); Tin học

**4.2. Thời lượng giáo dục**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Môn học, HĐGD | | Số tiết/tuần | | | | Số tiết/HKI/CLC | | Số tiết/HKII/CLC | |
| Lớp 1 | | Lớp 2 | | Lớp 1 | Lớp 2 | Lớp 1 | Lớp 2 |
| LKQT | CLC | LKQT | CLC |
| Bắt buộc | Toán | 3 + **1** | 3 + **2** | 5 + **1** | 5 + **1** | 54+**36** | 90+**18** | 51+**34** | 85+**17** |
| Tiếng Việt | 12 + **1** | 12 + **2** | 10 + **1** | 10 + **2** | 216+**36** | 180+**36** | 204+**34** | 170+**34** |
| TNXH | 2 | 2 | 2 | 2 | 36 | 36 | 34 | 34 |
| Đạo đức | 1 | 1 | 1 | 1 | 18 | 18 | 17 | 17 |
| Mĩ thuật | 1 | 1 | 1 | 1+**1** | 18 | 18+**18** | 17 | 17+**17** |
| Âm nhạc | 1 | 1+**1** | 1 | 1 | 18+**18** | 18 | 17+**17** | 17 |
| GDTC | 2 | 2 | 2 | 2 | 36 | 36 | 34 | 34 |
| HĐTN | 3 | 3 | 3 | 3 | 54 | 54 | 51 | 51 |
| TC | Tiếng Anh | 7 | 4 | 7 | 5 | 72 | 90 | 68 | 85 |
| Tin học | 1 | 1 | 1 | 1 | 18 | 18 | 17 | 17 |
| **Tổng số tiết/ tuần/lớp** | | **35** | **35** | **35** | **35** |  |  |  |  |

**4.3. Sách giáo khoa, tài liệu tham khảo**

# a. Nghiên cứu, tập huấn

# - Vòng 1 (từ tháng 01 – 03/2021): Đánh giá bộ SGK lớp 1 đã sử dụng trong năm học 2020-2021, tìm hiểu các bộ SGK lớp 1, 2 theo chương trình GDPT 2018 đã được Bộ GD-ĐT phê duyệt. Các bộ sách mẫu đã được các NXB gửi về trường để các tổ chuyên môn nghiên cứu, tìm hiểu (bản cứng và bản mềm). Các tổ họp, bỏ phiếu lựa chọn bộ SGK lớp 1, 2 đề xuất dạy trong năm học 2021-2022, báo cáo nhà trường. Nhà trường tổ chức Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa và tổng hợp và báo cáo Phòng, Sở GD-ĐT.

# - Vòng 2 (từ tháng 4 - 5/2021): Nghiên cứu bộ sách GK đã được Tỉnh Quảng Ninh lựa chọn (theo Quyết định số 1010/QĐ-UBND ngày 05/4/2021 và Quyết định số 1008/QĐ-UBND ngày 05/4/2021 ). Xây dựng kế hoạch dạy học thử nghiệm 2-3 bài. Tìm và nghiên cứu các tài liệu tham khảo.

# - Vòng 3 (tháng 6,7,8/2021): Tham gia các lớp tập huấn công tác dạy học lớp 1, 2 CT GDPT 2018 do Sở GD tổ chức. Tổ chức tập huấn lại tại trường theo tổ/nhóm chuyên môn.

**b. Danh mục SGK lớp 1, 2 sử dụng trong năm học 2021 – 2022**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT STT** | **Sách giáo khoa** | **Tên bộ sách** | **Tên tổng chủ biên/**  **Chủ biên** | **Nhà Xuất bản** |
| 1 | Tiếng Việt 1, 2 | Kết nối tri thức  với cuộc sống | Bùi Mạnh Hùng | Giáo dục VN |
| 2 | Toán 1, 2 | Cánh Diều | Đỗ Đức Thái | Đại học SP  thành phố HCM |
| 3 | Đạo Đức 1, 2 | Kết nối tri thức  với cuộc sống | Nguyễn Thị Toan | Giáo dục VN |
| 4 | Tự nhiên và Xã hội 1, 2 | Cánh Diều | Mai Sỹ Tuấn | Đại học SP |
| 5 | Âm Nhạc 1 | Kết nối tri thức  với cuộc sống | Đỗ Thị Minh Chính | Giáo dục VN |
| 6 | Âm Nhạc 2 | Kết nối tri thức  với cuộc sống | Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính | Giáo dục VN |
|  | Mĩ Thuật 1 | Cánh Diều | Phạm Văn Tuyến | Đại học SP |
|  | Mĩ Thuật 2 | Cánh Diều | Nguyễn Thị Đông | Đại học SP |
|  | Giáo dục thể chất 1 | Cánh Diều | Đặng Ngọc Quang | Đại học SP |
| 7 | Giáo dục thể chất 2 | Cánh Diều | Lưu Quang Hiệp | Đại học SP |
| 8 | Âm Nhạc 1 | Kết nối tri thức  với cuộc sống | Đỗ Thị Minh Chính | Giáo dục VN |
| 9 | Âm Nhạc 2 | Kết nối tri thức  với cuộc sống | Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính | Giáo dục VN |
|  | Hoạt động trải nghiệm 1 | Kết nối tri thức  với cuộc sống | Bùi Sĩ Tụng | Giáo dục VN |
| 10 | Hoạt động trải nghiệm 2 | Kết nối tri thức  với cuộc sống | Lưu Thu Thủy, Bùi Sĩ Tụng | Giáo dục VN |
| 11 | Tiếng Anh 1, 2  (i- Learn Smart Start) |  | Nguyễn Thị Ngọc Quyên | Đại học SP  thành phố HCM |

**c.** **Danh mục thiết bị dạy học lớp 1, 2 sử dụng trong năm học 2021 – 2022** (được quy định tại Thông tư 05/2019/TT-BGDĐT ngày 05/4/2019 và Thông tư 43/2020/TT-BGDĐT ngày 03/11/2020).

- Tổ chuyên môn tổ chức rà soát, đề xuất danh mục thiết bị dạy học khối lớp 1,2 năm học 2021-2022 để trình Ban lãnh đạo nhà trường và Công ty trang bị.

**5. Công tác truyền thông**

- Nhà trường công khai biên chế lớp học, chương trình học và sách giáo khoa trên Website nhà trường.

- GVCN các lớp phổ biến nội dung kế hoạch tới CMHS trong cuộc họp cha mẹ học sinh cuối năm học 2020 – 2021 và đầu năm học 2021 – 2022.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện chương trình lớp 1, 2 năm học 2021-2022 của trường TH, THCS&THPT Văn Lang. Kế hoạch có thể được điều chỉnh để phù hợp với triển khai nhiệm vụ năm học mới 2021 – 2022 của nhà trường./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  *- BGH;*  *- Các tổ CM;*  *- Đăng website;*  *- Lưu VP.* | **KT.HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Thị Bích Huệ** |